

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

QUAN NIỆM CỦA JOHN STUART MILL VỀ QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

Nguyễn Ánh Hồng Minh^(*)

(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: minhnguyen7290@gmail.com

Tóm tắt: John Stuart Mill (1806 – 1873) là nhà triết học, được coi là đại diện tiêu biểu cho tư tưởng tự do, dân chủ xã hội ở Anh và có ảnh hưởng không nhỏ tới hệ tư tưởng phương Tây thế kỷ XXI. Ông đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng, như *Các hệ thống logic* (1843), *Chính thể đại diện* (1861), *Thuyết công lợi* (1863), v.v, trong số đó, được quan tâm nhiều nhất là tác phẩm *Bàn về tự do* (1859). Trong hệ thống tư tưởng triết học của mình, J.S.Mill đề cập tới quyền tự do của con người trong mối tương quan với quyền lực của nhà nước. Theo đó, cần đặt rõ ranh giới giữa tự do cá nhân và quyền uy của nhà nước để đảm bảo tự do, công bằng, dân chủ cũng như chỉ rõ phạm vi quyền lực của chính quyền. Bài viết tập trung phân tích một số nội dung cơ bản trong quan niệm của J.S.Mill về quyền lực nhà nước, cụ thể là vấn đề giới hạn quyền lực của nhà nước, phạm vi giới hạn và cách thức thực hiện, từ đó chỉ ra một số giá trị và hạn chế của những quan niệm đó.

Từ khóa: John Stuart Mill, quyền tự do, quyền lực nhà nước, giới hạn quyền lực nhà nước.

Ngày nhận bài: 10/08/2025; ngày phản biện: 11/08/2025; ngày sửa chữa: 12/09/2025; ngày duyệt đăng: 15/10/2025.

1. Dẫn nhập

Trong lịch sử tư tưởng phương Tây, John Stuart Mill (1806 – 1873) được xem là một trong những nhà triết học, nhà tư tưởng chính trị tự do tiêu biểu có ảnh hưởng sâu rộng đến quan niệm hiện đại về quyền tự do cá nhân, dân chủ và vai trò của nhà nước. Thế kỷ XIX đánh dấu thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ của xã hội châu Âu từ chế độ quân chủ chuyên chế

sang các thiết chế dân chủ đại nghị, từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp hóa. Trong bối cảnh đó, quyền lực nhà nước và giới hạn của nó trở thành vấn đề trọng điểm nhận được sự quan tâm, bàn luận sôi nổi từ giới học giả. J.S.Mill, với tác phẩm kinh điển *Bàn về tự do* (1859) cùng nhiều công trình khác, đã đặt nền tảng cho tư tưởng quyền tự do cá nhân gắn liền với yêu cầu giới hạn, kiểm soát

quyền lực nhà nước nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền và bảo vệ không gian tự do chính đáng của mỗi cá nhân. Ông cho rằng, dù quyền lực nhà nước được hình thành trên cơ sở nào, nếu không được giới hạn hợp lý sẽ dễ dẫn đến việc xâm phạm quyền và tự do cá nhân. Vì vậy, việc xác định ranh giới giữa phạm vi can thiệp chính đáng của nhà nước và lĩnh vực tự do bất khả xâm phạm của cá nhân với tư cách quyền công dân là điều kiện tất yếu để duy trì một xã hội dân chủ lành mạnh, tiến bộ và nhân văn.

Vì vậy, nghiên cứu quan niệm của John Stuart Mill về quyền lực nhà nước và sự cần thiết phải giới hạn quyền lực không chỉ giúp làm sáng tỏ những đóng góp của ông về lý luận, mà còn gợi mở nhiều giá trị tham chiếu cho các quốc gia trong việc thiết kế và vận hành cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm sự cân bằng giữa quyền lực công và quyền tự do cá nhân trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay.

2. Quan niệm của J.S.Mill về giới hạn quyền lực của nhà nước

Trong tác phẩm *Bàn về tự do*, J.S.Mill viết: “Bất cứ ai nhận được sự bảo hộ của xã hội cũng có bổn phận hoàn trả lợi ích trở lại, và bản thân sự kiện được sống trong xã hội cũng nói lên điều không thể thiếu được, rằng mỗi người phải bị ràng buộc tuân thủ theo một đường hướng cư xử đối với những người khác” (John Stuart Mill 2009: 171). Theo ông, việc

xác lập một “giao dịch cưỡng bức” và sự kiểm soát của xã hội đối với cá nhân bằng bất kể phương tiện nào để can thiệp vào quyền tự do của cá nhân phải xuất phát từ sự bảo hộ. Như vậy, *quyền lực nhà nước sinh ra trước hết là để bảo vệ con người khỏi sự xâm hại của những người khác đến quyền tự do và lợi ích của họ trong phạm vi chính đáng*.

Ở đây, J.S.Mill muốn nói đến quyền lực của nhà nước dân chủ, nhà nước này quản lý xã hội bằng luật pháp. Trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, John Locke đã từng chỉ rõ rằng “*tự do của con người* dưới một chính quyền, là có một quy tắc để tất cả sống theo đó, nó tồn tại thường trực và chung cho mọi người trong xã hội, được định ra từ quyền lực lập pháp đã được xã hội dựng lên” (John Locke 2006: 57), nhưng “nhất thiết phải tìm ra những cách thức để kiềm chế những thái quá và ngăn ngừa việc làm dụng quyền lực” (John Locke 2006: 159). Luật lệ này phải được quy định bởi quyền lập pháp đã được thiết lập trong chế độ đó. Ngày nay, việc quản trị và quản lý xã hội theo pháp luật vẫn còn nhiều khúc mắc ngay cả trong những chính quyền được xem là dân chủ. Hiện tượng các chế độ “phi dân chủ” xuất hiện và nguy hiểm ở chỗ điều này ngày càng được coi là hợp pháp. Từ cách đây 150 năm, J.S.Mill đã tiên liệu được tình trạng gia tăng quyền lực quá mức của giới cầm quyền có thể dẫn tới sự băng hoại

quyền tự do, lạm dụng quyền hành, chia rẽ chủng tộc và thậm chí có thể gây chiến tranh. Lịch sử nhân loại với hai cuộc chiến tranh thế giới và nhiều cuộc nội chiến sau đó đã chứng minh điều J.S.Mill dự đoán. Khi khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin ngày một phát triển mạnh, việc Nhà nước nắm trong tay dù là toàn thể hay chỉ một phần thông tin và giáo dục để kiểm soát ý thức xã hội thì đều có nguy cơ dẫn đến lạm quyền. Về vấn đề này, J.S.Mill chỉ ra rằng: “Chúng ta có thể xem như bây giờ không cần thiết phải đưa ra bất kỳ luận cứ nào phản đối chính quyền hành pháp và lập pháp không đồng nhất về quyền lợi với dân chúng, mà lại được phép gán ép ý kiến của mình cho dân chúng và quy định cho họ học thuyết nào hay luận cứ nào họ được phép nghe” (John Stuart Mill 2009: 49). Chính vì thiên hướng quyền lực nhà nước ngày càng gia tăng nên cần có một rào cản mạnh mẽ để chống lại tình trạng này. Bởi vậy, J.S.Mill đòi hỏi cần thiết phải giới hạn quyền lực của nhà nước. Ông chỉ ra rằng, những công dân – những người đủ tuổi trưởng thành và có trí óc sáng suốt, bình thường – sẽ phản đối việc chính phủ can thiệp vào lợi ích và quyền tự do của họ bằng cách giới hạn những gì nhà nước có thể làm như sau:

Trước hết, nhà nước có quyền ràng buộc con người phải tuân thủ cách cư xử với người khác, bao gồm: “Thứ nhất là, không làm hại đến lợi ích của nhau

(...); thứ hai là, mỗi người phải thực hiện bổn phận đóng góp (được xác định trên nguyên lý bình đẳng nào đó) lao động hay hi sinh để bảo vệ xã hội và các thành viên của nó khỏi bị xâm hại và quấy rối” (John Stuart Mill 2009: 172). Nếu hành vi của cá nhân gây tổn thương nhưng chưa xâm phạm tới quyền của người khác thì chỉ bị trừng phạt bởi dư luận, còn khi anh ta làm phương hại đến lợi ích và quyền của người khác thì lúc đó nhà nước mới có quyền xét xử. Tuy nhiên, trong trường hợp, hành vi cư xử của cá nhân không ảnh hưởng đến lợi ích ai khác ngoài bản thân anh ta thì “xã hội và pháp luật phải đảm bảo tự do tuyệt đối cho cá nhân thực hiện hành vi và tự gánh chịu các hậu quả” (John Stuart Mill 2009: 172-173). Do đó, nhà nước không có quyền nói một người trưởng thành phải làm một điều gì đó vì cho rằng điều đó có lợi cho anh ta, bởi một cá nhân luôn ý thức rõ về sở thích, mong muốn và mối quan tâm của bản thân hơn bất kỳ ai và mối quan tâm của xã hội đối với anh ta là rất nhỏ. J.S.Mill viết: “Tất cả lầm lỗi mà người đó có thể phạm phải do chống lại lời khuyên răn cảnh báo của người khác cũng không nghiêm trọng bằng sự xấu xa của việc cho phép người khác bắt buộc người đó phải chấp nhận những gì mà họ cho là tốt cho anh ta” (John Stuart Mill 2009: 175). Như vậy, cá nhân không phải giải trình trước xã hội về những hành động

mà không gây ảnh hưởng đến lợi ích của ai ngoài lợi ích của chính bản thân họ. Những người khác trong phạm vi thích hay không thích hành vi đó thì việc khuyên bảo, chỉ dẫn, thuyết phục hay né tránh là những biện pháp mà xã hội có thể dùng để biện minh, để bày tỏ thái độ của mình đối với hành vi của cá nhân – điều này được bảo trợ bởi nguyên tắc tự do ngôn luận. Con người có bốn phận giúp đỡ nhau phân biệt thiện ác, động viên nhau phát triển phẩm chất tốt đẹp nhưng không ai “được phép nói với một người trưởng thành khác, rằng vì lợi ích của chính anh ta mà anh ta không được làm cái anh ta lựa chọn cho đời mình” (John Stuart Mill 2009: 174).

Đồng thời, cá nhân cũng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu trong quá trình thực hiện, hành vi của anh ta gây hại đến quyền lợi của người khác, khi đó cá nhân sẽ phải chịu sự trừng phạt cần thiết của xã hội và pháp luật. J.S.Mill viết: “Khi nào có một tổn hại rõ ràng hay có nguy cơ gây tổn hại rõ ràng, dù là tổn hại cho cá nhân hay cho cộng đồng, thì trường hợp đó phải đưa ra khỏi địa phận quyền tự do và đặt vào địa phận đạo đức hay pháp luật” (John Stuart Mill 2009: 185). Tuy nhiên, theo ông, chức năng đề phòng của nhà nước còn dễ bị lạm dụng hơn cả chức năng trừng phạt. Bởi, nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm và tai nạn rủi ro, nhà nước dễ dàng đưa ra những cấm đoán – mà điều này vi phạm

quyền tự do – trong khi đó, khó có thể tìm thấy hoạt động nào của con người mà lại không có nguy cơ tội phạm và rủi ro trong đó. Vì vậy, chức năng đề phòng này của nhà nước đòi hỏi sự giới hạn hiển nhiên. Theo đó, J.S.Mill cho rằng, việc cấm đoán, về thực chất, chẳng bao giờ có hiệu quả và dù cảnh sát có được trao bao nhiêu quyền đi nữa cũng không giải quyết được triệt để những vấn đề phạm tội (như bán chất độc) và tệ nạn (như nghiện rượu, sòng bạc, mại dâm,...), vì nó sẽ trá hình dưới dạng thức khác. Do vậy, nghĩa vụ của nhà nước là hạn chế bớt những loại hình này bằng việc dán thông cáo cảnh báo sự nguy hiểm để người dân tự suy xét lấy quyết định của mình, ký kết giao ước mua bán như một “bằng chứng tiền định”, đánh thuế những mặt hàng đặc biệt (như chất kích thích) (John Stuart Mill 2009: 215-216).

Nhà nước có quyền bắt buộc giáo dục phổ cập nhưng không được quyền nắm trong tay toàn thể hoặc một phần lớn việc giáo dục. Bởi, nếu nắm giáo dục trong tay, giáo dục phổ cập của nhà nước sẽ chỉ là công cụ để người ta uốn nắn tính cách con người theo khuôn mẫu y hệt nhau; “vì cái khuôn mà Nhà nước dùng để đúc họ là cái mà giới quyền lực mạnh nhất trong chính phủ ưa thích, [...], họ sẽ thiết lập một sự chuyên chế tinh thần đi theo xu hướng chuyên chế với thân xác” (John Stuart Mill 2009: 235-236). Đó là sự lạm quyền mà J.S.Mill muốn tránh

và bởi vậy, ông cho rằng nhà nước chỉ có nhiệm vụ đảm bảo mọi trẻ em đều được hưởng sự giáo dục và trợ giúp cho những người nghèo không có khả năng thanh toán chi phí học tập. Trong giáo dục, J.S.Mill cũng đã đưa ra quan điểm về việc tôn giáo, tín ngưỡng không được lấn át tính khoa học. Ông viết: “Chẳng có sự phản đối hợp lý lẽ đối với việc khảo thí một người vô thần về các bằng chứng của Kitô giáo, với điều kiện anh ta không bị đòi hỏi phải thuyết giảng niềm tin vào các bằng chứng ấy” (John Stuart Mill 2009: 239).

Như vậy, J.S.Mill luận giải vấn đề phản đối sự can thiệp quá mức của chính quyền với những lý do sau:

Thứ nhất, có những sự việc để cá nhân làm thì tốt hơn chính phủ làm (Xem: John Stuart Mill 2009: 242).

Thứ hai, trong một số trường hợp, có thể cá nhân làm không tốt bằng chính phủ, nhưng để cá nhân làm vẫn tốt hơn, điều đó giúp họ rèn luyện tinh thần. Trong trường hợp này, chính phủ cung cấp cho họ những điều kiện vật chất, tinh thần để phát triển bản thân, tự do lựa chọn và quyết định, chứ không phải là cung cấp cho họ “sự độc đoán” (Xem: John Stuart Mill 2009: 242-244).

Thứ ba, không trao thêm những quyền lực không cần thiết cho chính phủ, vì điều đó khiến nổi e sợ của công chúng về sự tiếm quyền ngày càng tăng và sự “thừa thãi” quyền lực sẽ nảy

sinh những kẻ bám đuôi, trông chờ vào chính phủ để thăng tiến (Xem: (John Stuart Mill 2009: 244-245).

3. Quan niệm của J.S.Mill về phạm vi của quyền lực nhà nước

J.S.Mill cho rằng, việc xác lập “giao dịch cưỡng bức” và sự kiểm soát của xã hội đối với cá nhân bằng bất cứ phương tiện nào nhằm can thiệp vào quyền tự do của cá nhân phải xuất phát từ mục đích đảm bảo sự bảo hộ. Ông viết: “Quyền lực có thể được thực thi chính đáng đối với bất cứ thành viên nào của một cộng đồng văn minh chống lại ý chí của anh ta, chỉ khi nó nhằm mục tiêu ngăn chặn tổn hại cho những người khác” (John Stuart Mill 2009: 36). Như vậy, quyền lực của nhà nước nhằm mục đích bảo vệ con người khỏi sự xâm hại của người khác, nhưng quyền lực này cần phải được giới hạn. Trên thực tế, con người phải sống trong cộng đồng, xã hội và nhà nước với tư cách nhà quản lý xã hội phải có những quy định mang tính bắt buộc đối với người dân và các thành viên để đảm bảo trật tự, an ninh xã hội. Tuy nhiên, với những quyền lực của mình, một nghịch lý diễn ra là bên cạnh chức năng đảm bảo an toàn xã hội, nhà nước có thể dễ dàng can thiệp vào những lĩnh vực sinh hoạt riêng tư của cá nhân, đe dọa đến quyền tự do chính đáng của cá nhân. Bởi vậy, theo J.S.Mill, quyền lực nhà nước cần phải được giới hạn theo nghĩa là khu biệt lại

phạm vi ảnh hưởng của nó. Ông dựa vào hai nguyên tắc: tự do và công lợi để khu biệt những phạm vi, lĩnh vực hoạt động mà sự vi phạm của con người đối với nó cho phép quyền uy của nhà nước, của xã hội được can thiệp vào.

Như vậy, theo J.S.Mill, cơ sở đầu tiên để giới hạn quyền lực của nhà nước là nguyên tắc công lợi – đây là nền tảng của nguyên tắc tự do. Nguyên tắc công lợi, hay còn gọi là Nguyên tắc Hạnh phúc lớn nhất (John Stuart Mill 2019: 44), lấy quan niệm về “hạnh phúc” – “là niềm vui, là lạc thú có chủ ý, có mục đích, là không có đau đớn, không có đau khổ” (John Stuart Mill 2019: 45) – làm luận điểm chủ yếu, theo đó, mọi giá trị luân lý, đạo đức của hành vi và quy tắc hành xử phải được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn là chúng mang lại lợi ích gì cho hạnh phúc của những cá nhân có liên quan.

Với tư cách thước đo chuẩn mực đạo đức của hành vi, đề ra quy luật ứng xử, nguyên tắc công lợi có hai chức năng: *Một là*, làm *tiêu chuẩn* để quyết định và lựa chọn hành vi và quy tắc hành xử nào *tối đa hóa* lợi ích cho hạnh phúc của cả một tập thể (Bùi Văn Nam Sơn 2006). Nói cách khác, đó là mang lại hạnh phúc nhiều nhất cho số lượng người lớn nhất. *Hai là*, là phạm vi cho phép (hay “quy phạm”) của luân lý, đạo đức, cụ thể là việc tuân thủ theo nguyên tắc này sẽ mang lại lợi ích tối đa cho hạnh phúc của cộng đồng.

Theo đó, nguyên tắc công lợi là điều kiện cần và đủ để xem xét một quy tắc, hành vi có thuộc lĩnh vực luân lý, đạo đức hay không, chỉ những quan niệm luân lý, đạo đức nào thỏa mãn được tiêu chuẩn này thì mới được xem là có luân lý, đạo đức (Bùi Văn Nam Sơn 2006). Như vậy, J.S.Mill chủ trương rằng, dựa vào nguyên tắc công lợi, giá trị luân lý, đạo đức của hành vi và quy tắc hành xử phải được xem xét trong quan hệ với ích lợi bình quân đầu người cho hạnh phúc tập thể.

Về mặt lý luận, việc áp dụng nguyên tắc công lợi được J.S.Mill giả định trước về một nhận thức thường nghiệm ở hai phương diện: *Một mặt*, sự khác biệt về chất giữa các hình thức khoái lạc, hạnh phúc chỉ có thể được xác định một cách thường nghiệm; *mặt khác*, khi áp dụng nguyên tắc công lợi trong các trường hợp cụ thể thì cần biết đầy đủ thông tin về khoái lạc và đau khổ của những cá nhân có liên quan thông qua khảo sát thường nghiệm. Ở đây, chúng ta gặp phải hai khó khăn: *Thứ nhất*, đó là khó khăn trong việc so sánh lợi ích ở “bên trong con người” (intrapersonal) để xác định đâu là trạng thái sướng khổ về chất, đâu là trạng thái sướng khổ về lượng; khó khăn *thứ hai* là việc so sánh lợi ích giữa những con người với nhau (interpersonal). Những điều này cho thấy khó có thể sử dụng nguyên tắc công lợi để xác định chính xác thước đo

lợi ích hay hạnh phúc của những hành vi hay những quy tắc hành vi khác nhau (Xem: Bùi Văn Nam Sơn 2006). Tuy nhiên, nguyên tắc công lợi vẫn có thể được dùng để định hướng cho việc lựa chọn và quyết định hành vi nào là có lợi, hành vi nào xâm phạm đến hạnh phúc của người khác ở một mức độ nào đó.

Nguyên tắc thứ hai mà J.S.Mill đề ra nhằm xác định ranh giới của quyền lực hợp pháp và hợp lý của xã hội là nguyên tắc tự do. Theo đó, tự do của cá nhân chỉ bị giới hạn duy nhất trong điều kiện giúp cho xã hội tự bảo vệ và bảo vệ những người khác. J.S.Mill không nói đến tự do với tư cách một khái niệm trừu tượng hay đơn thuần là tự do của ý chí, mà bàn đến tự do với tư cách quyền con người. Theo ông, mỗi một cá nhân có ba quyền tự do cần phải được bảo vệ: tự do tư tưởng và tự do thảo luận; tự do sở thích và lập kế hoạch cho cuộc sống; tự do hội họp. Tự do về mặt tư tưởng là lĩnh vực mà ở đó cá nhân được tự do tuyệt đối, vì không ai biết, cũng không ai cấm được cá nhân suy nghĩ về một điều gì đó, chỉ khi tư tưởng đó bộc lộ ra bên ngoài, lúc đó cần phải có tự do ngôn luận (thảo luận, tranh luận). J.S.Mill coi tự do ngôn luận là sự tự vệ của cá nhân chống lại “công luận” do nhà nước và xã hội nắm trong tay. Ông cho rằng, điều quan trọng nhất là cá nhân thoát khỏi được sự áp đặt của nhà nước, sự “khủng bố

của xã hội”, bởi không có gì đáng sợ hơn là sự chuyên chế của xã hội đối với cá nhân. Tuy nhiên, tự do không chỉ bị giới hạn trong phạm vi “tinh thần”, J.S.Mill còn đề cập tới quyền được tự do thể hiện lối sống mang cá tính của mỗi người, đó là sự tự do nhằm phát huy nhân cách và tính cách trong môi trường xã hội và tự nhiên. Sự tự do ấy không chỉ hướng đến cá nhân, mà còn gắn liền với cộng đồng xã hội. Do đó, ông chủ trương tự do hội họp, kết đoàn. Với nguyên tắc tự do, J.S.Mill cho rằng xã hội chỉ có quyền hạn chế tự do của cá nhân khi sự tự do của cá nhân đó gây phương hại đến quyền tự do và lợi ích chính đáng của những người khác. Nói cách khác, nguyên tắc tự do không tập trung xác định xem những hành vi nào được xã hội kiểm soát mà chú trọng đến đảm bảo các quyền tự do của cá nhân mà xã hội tuyệt nhiên không được giới hạn dưới bất kỳ tình huống nào. Như vậy, theo J.S.Mill, trong điều kiện giới hạn ở những con người trưởng thành và trong các xã hội đang phát triển, việc thực hiện ba quyền tự do cơ bản nói trên của cá nhân không làm tổn hại đến người khác. Cụ thể hơn, J.S.Mill phân tích rõ lý do tại sao nhà nước không nên hạn chế ba quyền tự do này như sau:

Đối với quyền tự do tư tưởng và tự do thảo luận, J.S.Mill cho rằng, con người vốn không hoàn hảo và hoàn toàn có thể mắc phải những sai lầm.

Bởi vậy, về nguyên tắc, bất kỳ lý thuyết nào, dù vững chắc đến đâu, vẫn có khả năng sai. Mọi lý thuyết cần được liên tục phản biện để có thể thay thế chúng bằng những lý thuyết có cơ sở vững chắc hơn. Do vậy, mọi lý thuyết, kể cả lý thuyết và quan điểm chính trị, đều phải được đề nghị cho sự phê phán, phản biện. Theo ông, chỉ có tri thức đúng đắn mới có lợi cho xã hội, vì vậy tự do tư tưởng và tự do thảo luận không thể bị hạn chế. Hơn nữa, trong mọi trường hợp, xã hội luôn được hưởng lợi khi quan điểm hiện hành đặt dưới sự phản biện: nếu một quan điểm không đứng vững, sự phản biện giúp chúng ta có cơ hội thay thế nó bằng quan điểm tốt hơn; nếu nó đứng vững, sự phản biện sẽ giúp củng cố lòng tin của chúng ta về nó; nếu không thể phân định đúng - sai một cách dứt khoát, thì sự phản biện cũng có ích bởi các bên có thể bổ sung và điều chỉnh cho nhau. Tóm lại, trong tình trạng trí tuệ của con người không hoàn hảo và không tuyệt đối, sự đa dạng ý kiến là cần thiết để phục vụ cho lợi ích của chân lý. Do đó, tự do tư tưởng và tự do ngôn luận là những quyền không thể và không nên bị hạn chế.

Về tự do sở thích và tự do lập kế hoạch cho cuộc sống, J.S.Mill cũng đưa những lý do nhằm biện minh cho tính hữu ích của nó đối với hạnh phúc chung của tập thể, xã hội. *Thứ nhất*, xã hội không thể giới hạn sự tự do trong việc

lựa chọn lối sống của cá nhân, kể cả với mục đích giúp cho cá nhân có cuộc sống tốt hơn, bởi về nguyên tắc, xã hội vẫn có thể sai lầm. Vì thế, trong phạm vi không làm liên lụy đến người khác, cá nhân có quyền theo đuổi sở thích, lối sống để hướng tới hạnh phúc theo quan niệm của riêng mình mà không cần sự can thiệp của xã hội. *Thứ hai*, tự do sở thích và lựa chọn lối sống sẽ có lợi cho tiến bộ xã hội, bởi cá nhân được tự do phát triển hết năng lực và cá tính trong những điều kiện khác nhau, khiến xã hội trở nên phong phú, nhiều vẻ, cá nhân được tự do thực hiện theo kế hoạch cuộc sống do chính mình lập ra và đó là điều kiện cần để cá nhân phát huy tối đa tiềm năng, hiện thực hoá các dự định và đóng góp cho sự tiến bộ xã hội.

Tóm lại, nguyên tắc tự do và nguyên tắc công lợi là cơ sở cho việc xác định giới hạn quyền lực của nhà nước. Trong đó, nguyên tắc công lợi dựa trên tiêu chí hành vi của con người có mang lại lợi ích hay không để chỉ ra những trường hợp mà nhà nước và xã hội được phép can thiệp, với mục đích duy nhất là bảo vệ người khác. Còn nguyên tắc tự do xác định những quyền tự do cơ bản mà quyền lực xã hội không được xâm phạm, và các quyền này chỉ có thể bị giới hạn khi hành vi của cá nhân gây ảnh hưởng hoặc xâm hại đến người khác. Điều này cũng cho thấy nguyên tắc tự do, về thực chất, đặt trên nền tảng

của nguyên tắc công lợi.

4. Quan điểm của J.S.Mill về cách thức giới hạn quyền lực của nhà nước

Dựa trên hai nguyên tắc tự do và công lợi, J.S.Mill khẳng định quyền lực của nhà nước là cần thiết, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nhiều nguy hiểm, bởi những người cầm quyền có thể tìm cách sử dụng quyền lực ấy để chống lại dân chúng. Vì vậy, mục đích của những người dân yêu nước là phải thiết lập các giới hạn đối với quyền lực của nhà cầm quyền. Những phương thức được sử dụng nhằm giới hạn quyền lực của nhà nước gồm có:

Thứ nhất, nhân dân giành được những quyền tự do chính trị, theo đó, nếu người cai trị bội ước hoặc tiềm quyền thì sẽ bị coi là vi phạm trách nhiệm và một cuộc nổi dậy của toàn thể nhân dân nhằm chống lại sự lạm quyền ấy được xem là hợp pháp, chính đáng. Kiểu giới hạn quyền lực này được phần lớn các nước châu Âu thừa nhận và tuân theo.

Thứ hai, hình thành một thiết chế kiểm soát theo hiến pháp, theo đó, một số hành động của quyền lực cai trị phải được sự chấp thuận, đồng tình của cộng đồng hay một thực thể đại diện cho quyền lợi của nhân dân. Về kiểu giới hạn này, J.S.Mill chỉ ra: “Chừng nào mà loài người vẫn còn tự bằng lòng với tình trạng chiến đấu với kẻ thù này bằng kẻ thù khác và còn cam chịu bị cai trị bởi một ông chủ với điều kiện có sự

đảm bảo ngăn chặn ít nhiều công hiệu đối với sự chuyên chế của ông ta, thì họ còn chưa thể đưa ra ý nguyện của mình vượt qua được điểm hạn chế đó” (John Stuart Mill 2009: 21-22).

Thứ ba, người dân mong muốn những người cai trị nhà nước phải là những người do họ thuê hoặc do họ bầu ra để đại diện cho mình, đồng thời họ có thể bãi miễn theo ý muốn. Nhân dân cho rằng bằng cách đó, họ có thể đảm bảo quyền lực nhà nước sẽ không bị lạm dụng để gây thiệt hại cho mình và nhờ vậy sẽ có được sự an toàn triệt để. Việc bầu ra những người cầm quyền có thời hạn dường như trở thành mục tiêu trọng yếu trong nỗ lực của các đảng phái bình dân ở nhiều nơi, khiến cho những nỗ lực trước đây nhằm hạn chế quyền lực của nhà cầm quyền bị gác lại ở mức độ đáng kể. Tuy nhiên, J.S.Mill cho rằng, các biện pháp mà người dân tưởng là hiệu quả nhất này thực chất chỉ nhằm chống lại những người cầm quyền có quyền lợi thường xuyên đối lập với quyền lợi của nhân dân. Ông chỉ ra: “Điều mong muốn bây giờ là người cầm quyền phải được đồng nhất với nhân dân, rằng quyền lợi và ý chí của họ phải là quyền lợi và ý chí của quốc gia” (John Stuart Mill 2009: 22-23).

Thực tế cho thấy, một số nhà lãnh đạo được bầu theo thể thức dân chủ đã dùng quyền lực để giới hạn quyền tự do của cá nhân. Do đó, J.S.Mill cho rằng,

việc thúc đẩy nền dân chủ phải đi đôi với việc thúc đẩy chế độ tự do theo hiến pháp; nếu không, nền dân chủ đó chỉ là dân chủ giả hiệu và sự gia tăng không ngừng của quyền lực nhà nước là điều khó tránh khỏi. Ông đề xuất *Hiến pháp trị* như một giải pháp cho vấn đề này, có nghĩa là quyền lực của người lãnh đạo và của các cơ quan chính quyền phải được giới hạn. Nhiệm vụ trước hết của chính quyền là phải phục vụ cho toàn thể mọi người trong xã hội và bảo vệ quyền cá nhân của con người. Chế độ chính trị theo Hiến pháp, theo ông, phải dựa trên những tư tưởng chính trị tiên bộ xuất phát từ Tây Âu và Mỹ, nhằm bảo vệ quyền sống, quyền sở hữu của cá nhân, cũng như các quyền tự do cơ bản của con người. Trong các thể chế chính trị, J.S.Mill cho rằng, chỉ có nhà nước dân chủ đại diện là thực sự dựa trên sự tự do và bình đẳng của công dân: “Nền dân chủ duy nhất có tính bình đẳng, vô tư, là chính quyền của mọi người và do mọi người, là kiểu dân chủ chân chính và ắt hẳn sẽ không có những điều xấu xa nhất của những nền dân chủ không chính danh đang đầy rẫy” (John Stuart Mill 2018: 285). Tuy nhiên, bản thân mô hình này vẫn chứa đựng những nguy cơ tiềm tàng như sau:

Thứ nhất, J.S.Mill nhận thấy vẫn còn những quan niệm phổ biến cho rằng nền dân chủ - chế độ xã hội mà người ta vẫn chủ trương là do người dân làm chủ – là

thể chế chính trị ít nguy hiểm hơn cả, bởi quyền cai trị và giám sát thuộc về nhân dân, và nhân dân sẽ không bao giờ hành động chống lại lợi ích của chính mình (mà cụ thể là lợi ích của số đông). Tuy nhiên, J.S.Mill chỉ ra nền dân chủ - cũng như các hình thức chính trị khác – vẫn tiềm ẩn khả năng đè nén thiểu số bởi sự thống trị của đa số. Nhân dân cai trị không phải lúc nào cũng đồng nhất với nhân dân bị cai trị và sự tự cai trị không có nghĩa mỗi người tự quản lý chính mình mà là việc mỗi người bị cai trị bởi những người còn lại. Bởi vậy, ông phản đối cái gọi là “sự chuyên chế của đa số”. Ông viết: “Cái ý chí của nhân dân trên thực tế có nghĩa là ý chí của số đông nhất hay của *một bộ phận* tích cực nhất của nhân dân; của cái đa số, hay là của cái số người đã thành công trong việc được chấp nhận như là đa số; do đó mà nhân dân có thể muốn áp chế một bộ phận của mình; và sự đề phòng cũng rất cần thiết để chống lại điều đó cũng như chống lại bất cứ sự lạm quyền nào khác” (John Stuart Mill 2009: 25). Bởi vậy, theo J.S.Mill, những người nắm quyền phải thường kỳ giải trình trước cộng đồng và đó là một trong những phương thức quan trọng để giới hạn quyền lực của chính phủ đối với cá nhân.

Thứ hai, nền dân chủ khác với các hình thức chính trị khác ở chỗ nó bao gồm cả quyền lực chính trị (cai trị bằng luật pháp) và quyền lực xã hội (chi phối bằng công luận).

5. Giá trị và hạn chế trong quan niệm của J.S.Mill về quyền lực nhà nước

Dù viết cách đây hơn 150 năm, nhưng nhiều luận điểm của J.S.Mill về quyền lực của nhà nước vẫn còn nguyên giá trị, thể hiện trên những phương diện sau:

Thứ nhất, trong quan niệm về sự thống nhất giữa quyền lợi và ý chí của chính quyền với nhân dân, J.S.Mill không đồng tình với các nhà tư tưởng đề cao chủ nghĩa cá nhân, coi thường lợi ích xã hội cộng đồng, nhưng đồng thời ông cũng dự đoán về nguy cơ gia tăng quyền lực của nhà nước một cách thái quá. Bởi vậy, ông đưa ra cái nhìn mới về nền dân chủ, trong đó có sự điều hòa quan hệ giữa quyền lực chính trị - xã hội với quyền cá nhân của con người. Theo ông, người cầm quyền phải đồng nhất với nhân dân, ý chí và quyền lợi của người dân phải là ý chí và quyền lợi của quốc gia, có như vậy dân chúng mới thực sự cảm nhận quyền lực của chính phủ là quyền lực của chính mình. Thông qua mối quan hệ đó, ông thể hiện lý tưởng lớn của mình là mong muốn đem lại sự tự do cho từng người để có được sự phồn vinh cho tất cả mọi người và cuối cùng là nhằm có được sự tiến bộ xã hội. Đó là lý tưởng cao đẹp và có giá trị đối với thời đại Victoria.

Thứ hai, việc J.S.Mill phản đối sự can thiệp của chính quyền vào quyền tự do ngôn luận, quyền lựa chọn lối sống và nhất là giáo dục xuất phát từ

mong muốn mỗi cá nhân có điều kiện phát triển cá tính. Bởi, với ông, đó là yếu tố căn bản mang ý nghĩa tiền đề cho việc hướng tới sự phát triển lâu dài của xã hội. Bởi vậy, ông cũng là người luôn bảo vệ cho quyền bình đẳng nam – nữ trong thời đại mà quyền của phụ nữ vẫn còn là một vấn đề rất gian nan. Đây cũng là tư tưởng tiến bộ khi ông cho rằng sống theo tính cách riêng của bản thân thay vì bị uốn theo tập quán (nếu như việc phải uốn mình theo tập quán làm mất đi bản sắc cá nhân) là điều mỗi cá nhân cần hướng tới và đó cũng là điều mà chính quyền cũng như dư luận xã hội không nên phản đối. Ông viết: “Bản chất con người không phải là cái máy được chế tạo ra theo một khuôn mẫu và nhằm làm đúng một công việc định trước, mà nó giống như cái cây cần được lớn lên và phát triển ra mọi phía tùy theo khuynh hướng của sức mạnh bên trong nó, cái sức mạnh làm cho nó là một sinh vật” (John Stuart Mill 2009: 139). Có thể nói, đây là điểm khác biệt căn bản của J.S.Mill so với các nhà tư tưởng đề cao chủ nghĩa cá nhân tới mức coi nhẹ các lợi ích xã hội cộng đồng. Theo J.S.Mill, cần giới hạn quyền lực của nhà nước để ngăn chặn sự tiềm quyền; đồng thời, tự do cá nhân cũng phải được giới hạn trong phạm vi những việc chỉ tác động lên quyền lợi của cá nhân đó. Các hành vi vượt ra ngoài ranh giới ấy phải được

chính quyền quản lý bởi pháp luật, xã hội gây sức ép bằng công luận. Tuy nhiên, J.S.Mill cũng lưu ý rõ rằng, quyền lực của xã hội đối với sự tự do cá nhân cũng chỉ dừng ở mức hướng dẫn, thuyết phục và tỏ ý không tán thành, chứ tuyệt nhiên không được tác động trực tiếp tới cá nhân con người.

Thông qua quan niệm về giới hạn quyền lực của nhà nước, J.S.Mill đã bảo vệ quyền của từng cá nhân được sống hạnh phúc theo ý mình, thay vì phải sống hạnh phúc theo ý muốn của những người xung quanh. Tự do trong tư tưởng của ông không phải là kiểu tự do mà cách mạng tư sản đem lại - pháp luật được thiết kế bởi tầng lớp thống trị, càng không phải kiểu tự do tùy ý thích làm gì thì làm và không cần quan tâm đến bất cứ điều gì – thứ tự do chôn chân con người trong ốc đảo của riêng mình – mà tự do ở đây là tự do với tư cách quyền dân sự, tự do của mỗi người là nhìn thấy giới hạn của mình trong mối quan hệ tương quan với tự do của người khác, nói rõ hơn, tự do xã hội là ranh giới giữa sự kiểm soát xã hội và độc lập cá nhân. J.S.Mill bảo vệ quyền tự do cá nhân nhưng không phải là cá nhân riêng rẽ, lý tưởng của ông là đem lại sự tự do cho từng cá nhân nhằm hướng tới sự phồn vinh của tất cả mọi người và sự tiến bộ xã hội.

Như vậy, những giá trị trong quan niệm của J.S.Mill về giới hạn quyền

lực của nhà nước đã để lại dấu ấn rõ rệt, nhiều khía cạnh đến nay vẫn còn nguyên giá trị và tính cấp thiết cần phải nghiên cứu và bàn luận. Chính bởi vậy, tác phẩm *Bàn về tự do* của ông luôn được các học giả phương Tây coi là tác phẩm kinh điển cho bất cứ ai nghiên cứu về lý luận và tư tưởng phương Tây.

Tuy nhiên, quan niệm của J.S.Mill về giới hạn quyền lực của nhà nước vẫn không tránh khỏi những hạn chế mang tính lịch sử. Cụ thể:

Thứ nhất, J.S.Mill dựa trên nguyên tắc công lợi để xem xét hành vi nào của cá nhân có ảnh hưởng đến những người khác, nhưng tiêu chuẩn này không phải lúc nào cũng thực sự chính xác để phân định. Và, vấn đề phân định tính có lợi hay có hại của một hành vi, kể cả khi hành vi đó đã xảy ra hay chỉ ở dạng tiềm năng, trong nhiều trường hợp là vấn đề hết sức nan giải.

Thứ hai, J.S.Mill chủ trương hạn chế quyền lực của nhà nước, hướng tới mục tiêu để nhân dân sẽ cảm nhận được quyền lực của nhà nước là quyền lực của mình, nhưng ông không đưa ra quan điểm về bản chất giai cấp của nhà nước. Hơn nữa, ông bảo vệ quyền tự do cá nhân khỏi sự tiềm quyền của chính quyền và xã hội, nhưng lại không đề cập đến vấn đề bảo vệ sự bình đẳng của các dân tộc, nhất là đối với các dân tộc bị áp bức, đô hộ. Có lẽ vì J.S.Mill quá tin vào sự tốt đẹp của tương lai

nhân loại chỉ thông qua đối thoại và trải nghiệm, thông qua thảo luận tự do, thông qua khả năng tự sửa chữa sai lầm của con người. Lịch sử hai cuộc chiến tranh thế giới cùng nhiều cuộc xung đột vẫn diễn ra cho thấy những phẩm chất ấy mà J.S.Mill tin tưởng là chưa đủ để đảm bảo cho tương lai tốt đẹp của toàn nhân loại. Đây không thể coi là hạn chế cá nhân của J.S.Mill, với trái tim nhân ái và niềm tin vào sự tốt đẹp của con người, ông đã tin rằng nhân loại hoàn toàn có thể vươn tới sự tiến bộ tốt đỉnh trong hòa bình, khả năng này hiếm và khó đạt được. Những hạn chế này trong tư tưởng của J.S.Mill thực chất mang tính lịch sử của thời đại ông. Tổng kết lại, quan niệm của ông về sự giới hạn quyền lực nhà nước vẫn mang nhiều giá trị hơn. Ông đã dành trọn đời để đấu tranh cho quyền con người trước những mặt trái của giới cầm quyền và xã hội.

6. Kết luận

Tư tưởng của J.S.Mill về quyền lực nhà nước, dù ra đời trong bối cảnh thế kỷ XIX, vẫn mang giá trị gợi mở cho triết học và khoa học chính trị hiện đại. Ông đã bàn luận về vấn đề làm thế nào để dung hòa mối quan hệ giữa quyền lực chính trị, vốn tất yếu phải tồn tại để duy trì trật tự và bảo vệ cộng đồng, với các quyền tự do cá nhân. Từ hai nguyên tắc chủ đạo là nguyên tắc tự do và nguyên tắc công lợi, J.S.Mill đã xác lập một hệ thống luận điểm chặt

chẽ nhằm giới hạn quyền lực nhà nước, phân định phạm vi mà nhà nước được phép can thiệp và bảo vệ những vùng tự do bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, những quan điểm của J.S.Mill vẫn chưa định hạn chế mang tính lịch sử nhất định khi chưa đề cập đến bản chất giai cấp của nhà nước hay vấn đề bất bình đẳng giữa các dân tộc trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân phát triển mạnh lúc bấy giờ. Dầu vậy, những hạn chế này không làm giảm đi giá trị cốt lõi của tư tưởng của ông, đó là khẳng định vai trò quyết định của các quyền tự do cá nhân và yêu cầu phải thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

Tài liệu trích dẫn

1. John Locke. 2006. *Khảo luận thứ hai về chính quyền – Chính quyền dân sự*, Hà Nội: Nxb. Tri thức.
2. John Stuart Mill. 2009. *Bàn về tự do*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
3. John Stuart Mill. 2018. *Chính thể đại diện*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
4. John Stuart Mill. 2019. *Thuyết công lợi*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa – Văn nghệ TPHCM.
5. Bùi Văn Nam Sơn. 2006. “Đọc lại *Bàn về tự do* của John Stuart Mill”. Trích từ tập sách *Trong ngàn bóng gương*. (Nguồn bài viết: <http://amvc.free.fr/Damvc/GioiThieu/BuiVanNamSon/DocLaiBanVeTuDo.htm>. Truy cập ngày 20/4/2025).